

Số: /TB-STNMT

Sóc Trăng, ngày tháng 10 năm 2019

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và mức độ 3

Căn cứ Quyết định 2921/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định 484/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc bãi bỏ một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định 485/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định 1484/QĐ-UBND ngày 29/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường và áp dụng tại cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định 1485/QĐ-UBND ngày 29/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc bãi bỏ một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định 2185/QĐ-UBND ngày 06/08/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2,3 (đính kèm Phụ lục danh mục thủ tục hành chính).

Thông tin chi tiết của từng TTHC thuộc các lĩnh vực đề nghị các tổ chức và cá nhân, truy cập tại địa chỉ <http://motcua.soctrang.gov.vn> (vào mục Thủ tục

hành chính, chọn đơn vị Sở Tài nguyên và Môi trường) hoặc truy cập tại địa chỉ: <http://motcua.sotnmt.soctrang.gov.vn> để thực hiện.

Mọi thông tin xin liên hệ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (Địa chỉ: số 19, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng; điện thoại: 02993.889.789 gặp công chức Sở Tài nguyên và Môi trường).

Sở Tài nguyên và Môi trường xin thông báo đến các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp biết để thực hiện.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Phòng TNMT các huyện, TX, TP;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC**  
**Danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3**

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
1.	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	BTM-STG-264814	Tài nguyên và môi trường	2
2.	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	BTM-STG-264959	Biển	2
3.	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	BTM-STG-264960		2
4.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	BTM-STG-264961		2
5.	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	BTM-STG-264962		2
6.	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển			2
7.	Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường	T-STG-284220-TT	Môi trường	2
8.	Cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án	T-STG-284214-TT		2
9.	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường/cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	T-STG-284218-TT		2
10.	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường/cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	STG-287732		2
11.	Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường	STG-288087	Khí tượng Thủy văn	2
12.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	STG-288082		2
13.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	STG-288083		2
14.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	STG-288084		2
15.	Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	STG-288070		2
16.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	STG-288071		2
17.	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	STG-288072		2

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
18.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	STG-288073	Tài nguyên nước	2
19.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	STG-288074		2
20.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	STG-288075		2
21.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động khác	STG-288076		2
22.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động khác	STG-288077		2
23.	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	STG-288078		2
24.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	STG-288079		2
25.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	BTM-STG-265060		2

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
26.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	BTM-STG-265061		2
27.	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	T-STG-269574-TT		2
28.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	BTM-STG-264979		2
29.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	BTM-STG-264981		2
30.	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	BTM-STG-264982		2
31.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	BTM-STG-264984		2
32.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	BTM-STG-264986		2
33.	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	STG-288080		2
34.	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	BTM-STG-264992		2
35.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	STG-288081		2
36.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	BTM-STG-264994	Địa chất khoáng sản	2
37.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	BTM-STG-264995		2
38.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	BTM-STG-264996		2
39.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	BTM-STG-264998		2
40.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	BTM-STG-264999		2
41.	Đóng cửa mỏ khoáng sản	BTM-STG-265002		2
42.	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	BTM-STG-265003		2
43.	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	BTM-STG-265004		2

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
44.	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	BTM-STG-265005		2
45.	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)	BTM-STG-265038		2
46.	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	STG-287364	Đo đạc bản đồ	2
47.	Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	STG-287365		2
48.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	BTM-STG-265076		2
49.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	BTM-STG-265077		2
50.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	BTM-STG-265078		2
51.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	BTM-STG-265079		2
52.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	BTM-STG-265082		2
53.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	BTM-STG-265083		2
54.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	BTM-STG-265085		2
55.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	BTM-STG-265086		2
56.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	STG-287552	Đất đai	2
57.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	BTM-STG-265087		2

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
58.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	BTM-STG-265088		2
59.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	BTM-STG-265089		2
60.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	BTM-STG-265090		2
61.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	STG-287551		2
62.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	BTM-STG-265093		2
63.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.	BTM-STG-265094		2
64.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	BTM-STG-265095		2

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
65.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của GCN do bị mất	BTM-STG-265096		2
66.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	BTM-STG-265097		2
67.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	BTM-STG-265098		2
68.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	BTM-STG-265153		2
69.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	BTM-STG-265068		2
70.	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	BTM-STG-265069		2
71.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	BTM-STG-265080		2
72.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	BTM-STG-265065		2
73.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	BTP-STG-277387		2
74.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	BTP-STG-277390		2
75.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	BTP-STG-277391		2
76.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	BTP-STG-277392		2
77.	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	T-STG-286009-TT		2
78.	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	T-STG-284024-TT		2



STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
79.	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	T-STG-284025-TT		2
80.	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	T-STG-284026-TT		2
81.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước;	T-STG-269568-TT	Tài nguyên nước	3
82.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	T-STG-269593-TT		3
83.	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;	T-STG-284212-TT	Môi trường	3
84.	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	T-STG-284213-TT		3
85.	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (Kế hoạch BVMT)			3
86.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)	STG-288085		3
87.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)	STG-288086		3
88.	Giao khu vực biển	T-STG-285976-TT	Biển	3
89.	Thu hồi khu vực biển	T-STG-285980-TT		3
90.	Trả lại khu vực biển	T-STG-285979-TT		3
91.	Gia hạn Quyết định giao khu vực biển	T-STG-285977-TT		3
92.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	T-STG-285978-TT		3

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
93.	Giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư	BTM-STG-265066		3
94.	Giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình	BTM-STG-265067		3
95.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	BTM-STG-265074		3
96.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	BTM-STG-265092	Đất đai	3
97.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	BTM-STG-265075		3
98.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	BTP-STG-277383		3
99.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	BTP-STG-277384	Đất đai	3
100.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	BTP-STG-277386		3

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Lĩnh vực	Mức độ
101.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	BTP-STG-277388		3
102.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	BTP-STG-277393		3
103.	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	BTM-STG-264814	Đo đạc bản đồ	3

**\* Ghi chú:**

- Tổng số có 70 thủ tục mức độ 2 và 23 thủ tục mức độ 3.
- **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1:** là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.
- **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.
- **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.